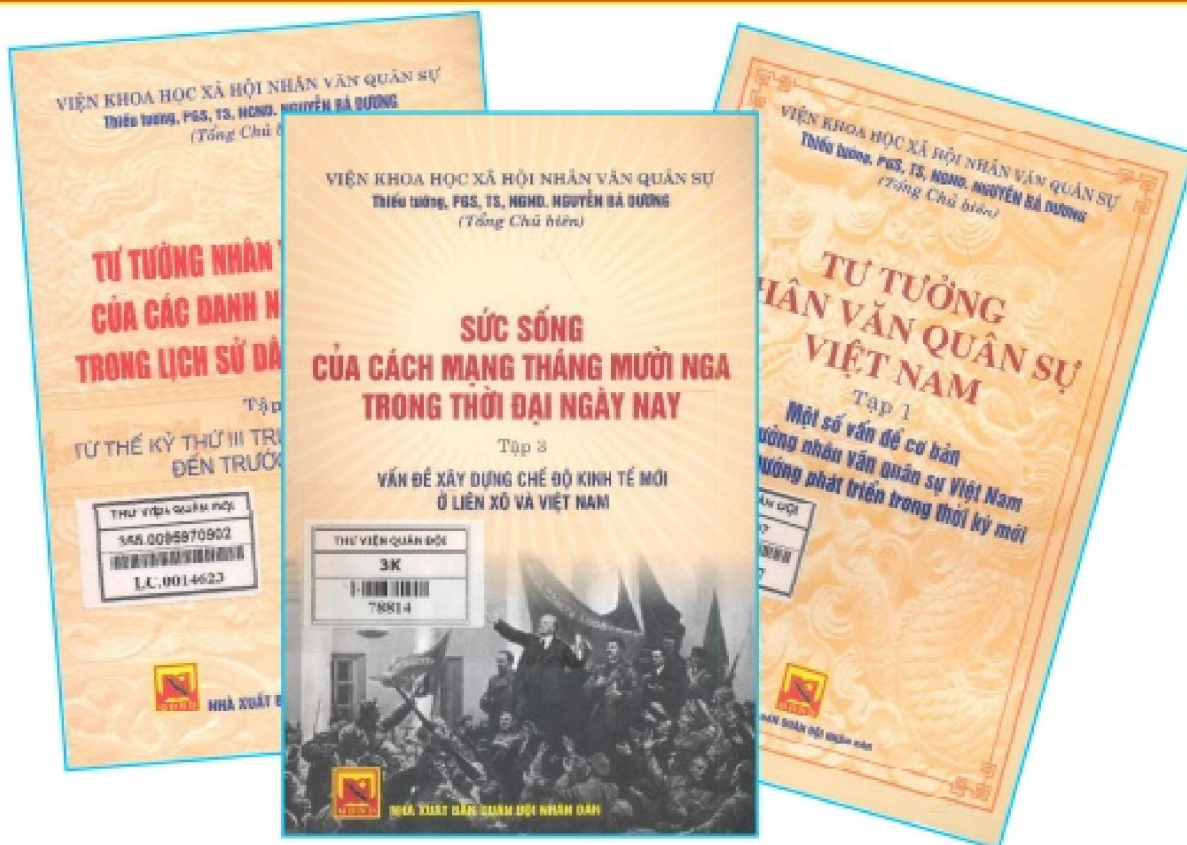




**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI**

- 688 -



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{3}{2018}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Thực hiện:
Thiếu tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương
Thiếu tá CN Nguyễn Thị Thu Hà
Trung úy CN Bùi Khắc Phúc

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 3 - 2018.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới: giới thiệu sách quốc văn mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN THƯ MỤC MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 0243.8230771 - 069.554556

Website: <http://tvqd.bqp>

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp & Tvqd@tttt.bqp.vn

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 3/2018 giới thiệu 347 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 06 tài liệu
- Triết học, cận tâm lý học và thuyết huyền bí, tâm lý học: 07 tài liệu
- Tôn giáo: 05 tài liệu
- Khoa học xã hội: 180 tài liệu
- Ngôn ngữ: 01 tài liệu
- Khoa học tự nhiên và toán học: 10 tài liệu
- Công nghệ: 25 tài liệu
- Nghệ thuật: 03 tài liệu
- Văn học và tu từ học: 53 tài liệu
- Lịch sử, địa lý học và các ngành phụ trợ: 57 tài liệu

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

1. *Giáo trình lập trình Java cơ bản*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự, dân sự trình độ đại học ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, khoa học máy tính, hệ thống thông tin, truyền thông và mạng máy tính/ *Phan Nguyên Hải chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 355tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

005.10711/LCV.0001788;V 15947 - V 15948

2. *Giáo trình nhập môn kỹ thuật đồ họa 3D*: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành đại tin học, trắc địa bản đồ/ *Mai Đình Sinh chủ biên, Đào Khánh Hoài, Nguyễn Thị Thu Nga*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 228tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

006.693/M.0169156 - M.0169157;MP.0031401 - MP. 0031402

001 – Tri thức

3. *Chuyện Đông chuyện Tây/ An Chi*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 619tr.; 23cm.

T.1 : Từ câu 1 đến câu 352.- 2018

001/M.0169188 - M.0169189 - M.0169190;MP.0031425 - MP.0031426

4. *Chuyện Đông chuyện Tây/ An Chi*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 605tr.; 23cm.

T.2 : Từ câu 353 đến câu 627.- 2018

001/M.0169185 - M.0169186 - M.0169187;MP.0031423 - MP.0031424

5. *Chuyện Đông chuyện Tây/ An Chi*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 608tr.; 23cm.

T.3 : Từ câu 628 đến câu 941.- 2018

001/M.0169182 - M.0169183 - M.0169184;MP.0031421 - MP.0031422

6. *Chuyện Đông chuyện Tây/ An Chi*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 664tr.; 23cm.

T.4 : Từ câu 942 đến câu 1257.- 2018

001/M.0169179 - M.0169180 - M.0169181;MP.0031419 - MP.0031420

100 - TRIẾT HỌC, CẬN TÂM LÝ HỌC VÀ THUYẾT HUYỀN BÍ, TÂM LÝ HỌC

7. *Friedrich Nietzsche và những suy niệm bên kia thiện ác*/ Phạm Văn Chung.- H.: Tri thức, 2018. - 391tr.; 21cm.

193/M.0169046 - M.0169047;MP.0031335 - MP. 0031336

8. *Giáo trình tâm lý y học*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Vũ Hoài Nam chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 199tr.; 27cm.

150.0711/M.0169160 - M.0169161;MP.0031408 - MP. 0031409

9. *Khai tâm về phân tâm học*/ *Jean-Noel Christine*; Ng.dịch: *Thân Thị Mẫn.* - Tái bản lần 1.- H.: Tri thức, 2018. - 384tr.; 24cm.

150.195/M.0169118 - M.0169119;MP.0031374 - MP. 0031375; V.0016313 - V.0016314

10. *Kỳ thư Kybalion*: Triết học bí truyền Ai Cập và Hy Lạp cổ đại/ *Three Initiates*; Ng.dịch: *Hà Vũ Trọng.*- H.: Tri thức, 2018. - 171tr.; 21cm.

130/M.0169074 - M.0169075;MP.0031360 - MP. 0031361

11. *100 bản quy tắc đạo đức nghề báo trên thế giới*/ *Nguyễn Thị Trường Giang.*- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 682tr.; 24cm.

174.90704/M.0169122 - M. 0169123;MP. 0031378;V. 0016303 - V.0016304

12. *Nâng cao đạo đức nhà giáo Quân đội trong thời kỳ mới*: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Dương Quang Hiến, Phạm Văn Nhuận.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 174tr.; 20cm.

174.935500711597/LC.0014451 - LC.0014452;M 167379 - M 167380;TEMP.MP_92333

13. *Người tối giản*: Hành trình trở về số 0/ *Phạm Quỳnh Giang.*- H.: Hồng Đức, 2018. - 196tr.; 21cm.

158/M.0169040 - M.0169041;MP.0031329 - MP. 0031330

200 - TÔN GIÁO

14. *Ánh sáng trong bóng tối: Trải nghiệm đạo đức học Kitô giáo và triết học xã hội*: Sách tham khảo/ *Semen Lyuvigovich Frank*; Ng.dịch: *Nguyễn Văn Trọng.*- H.: Tri thức, 2018. - 357tr.; 24cm.

230.01/M.0169120 - M.0169121;MP.0031376 - MP. 0031377

15. *Hiểu luật nhân quả, tránh họa, tạo phúc, an nhiên, viên mãn sống đời*/ *Trương Hạnh Phúc.*- H.: Hồng Đức, 2018. - 399tr.; 27cm.

294.3/M.0169110 - M.0169111;MP.0031372 - MP. 0031373

16. *Thiền luận*: Quyền thượng/ *Daisetz T. Suzuki*; Ng.dịch: *Trúc Thiên.*- H.: Tri thức, 2017. - 407tr.; 23cm.

294.3927/M.0169130 - M.0169131

17. *Thiền luận*: Quyền trung/ *Daisetz T. Suzuki*; Ng.dịch: *Tuệ Sỹ.*- H.: Tri thức, 2017. - 372tr.; 23cm.

294.3927/M.0169128 - M.0169129

18. *Thiền luận*: Quyền hạ/ *Daisetz T. Suzuki*; Ng.dịch: *Tuệ Sỹ*.- H.: Tri thức, 2017. - 419tr.; 23cm.

294.3927/M.0169126 - M.0169127

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

19. *Biên niên lịch sử Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*. - H.: Phụ nữ, 2017. - 551tr.; 24cm.
T.1 : 1930-1976.- 2017

305.4060597/M.0168974 - M.0168975;V.0016257 - V.0016258

20. *Biên niên lịch sử Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*. - H.: Phụ nữ, 2017. - 731tr.; 24cm.
T.2 : 1976-2012.- 2017

305.4060597/M.0168972 - M.0168973;V.0016255 - V.0016256

21. *Cải cách thể chế văn hóa Trung Quốc từ năm 1978 đến nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Thu Phương*.- H.: Khoa học xã hội, 2017. - 374tr.; 21cm.

306.40951/.0079201 - .0079202;M.0169054 - M.0169055; MP.0031343 - MP.0031344

22. *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoạt động đối ngoại trên lĩnh vực văn hóa từ năm 1996 đến năm 2006*: Sách chuyên khảo/ *Trịnh Thúy Hương*.- H.: Lý luận chính trị, 2018. - 235tr.; 21cm.

306.09597/.0079209 - .0079210;M.0169070 - M.0169071; MP.0031356 - MP.0031357

23. *Internet của tiền tệ*/ *Andreas M. Antonopoulos*; Ng.dịch: *Thu Hương*.- H.: Đại học Kinh tế quốc dân, 2018. - 211tr.; 24cm.

302.231/M.0169148 - M.0169149;MP.0031395 - MP.0031396

24. *Lịch sử các lý thuyết truyền thông*/ *Armand, Michèle Mattelart*; Ng.dịch: *Hồ Thị Hòa*.- H.: Tri thức, 2018. - 278tr.; 21cm.

302.23/.0079193 - .0079194;M.0169038 - M.0169039; MP. 0031327 - MP.0031328

25. *Lịch sử Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*. - H.: Phụ nữ, 2017. - 486tr.; 24cm.
T.1 : 1930-1976.- 2017

305.4060597/M.0168978 - M.0168979;V.0016261 - V.0016262

26. *Lịch sử Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*. - H.: Phụ nữ, 2017. - 467tr.; 24cm.
T.2 : 1976-2012.- 2017

305.4060597/M.0168976 - M.0168977;V.0016259 - V.0016260

27. *Một số vấn đề cơ bản về giới và bình đẳng giới, công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong Bộ Quốc phòng*/ *Đinh Quốc Triệu chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 24cm.

Lưu hành nội bộ

**305.4209597/.0079068 - .0079069;DT.0000120;LCV.0001811 - LCV.0001812;
MP.0030912 - MP.0030913**

28. 56 năm thảm họa da cam ở Việt Nam (10.8.1961 - 10.8.2017) - Những tấm lòng nhân hậu vì nạn nhân chất độc da cam. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 352tr.; 20cm.

303.48509597/LC.0014429 - LC.0014430;M 167545 - M 167546;TEMP.MP_92430

29. Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á: Hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay/ Châu Thị Hải. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 430tr.; 21cm.

305.8951059/.0079171 - .0079172;M.0168966 - M. 0168967; MP.0031266 - MP.0031267

30. Nhân học xã hội và văn hóa: Một giới thiệu ngắn/ John, Monaghan, Peter Just; Ng. dịch: Tiết Hùng Thái. - H.: Tri thức, 2018. - 273tr.; 21cm.

306/M.0169076 - M.0169077;MP.0031362 - MP. 0031363

31. Những biến đổi văn hóa dòng họ người Việt thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế (Nghiên cứu trường hợp dòng họ Bùi ở Thịnh Liệt - Hà Nội)/ Nguyễn Quang Lê. - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 233tr.: +phụ lục; 21cm.

306.09597/.0079211 - .0079212;M.0169072 - M.0169073; MP.0031358 - MP.0031359

32. Niên giám thông tin khoa học xã hội nước ngoài. - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 616tr.; 24cm.

T.9.- 2017

306.4209/V.0016305 - V.0016306

33. Phụ nữ Sài Gòn - Gia Định và Nam Bộ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 327tr.; 24cm.

305.4095977/M.0169191 - M.0169192 - M.0169193; MP.0031427 - MP.0031428;V.0016325 - V.0016326

34. 6 phút minh làm nên thời đại: Thế giới hiện đại được hình thành thế nào?/ Steven Johnson. - H.: Thế giới, 2018. - 299tr.; 24cm.

303.483/M.0169146 - M.0169147;MP.0031393 - MP.0031394;V.0016315 - V.0016316

35. Tìm hiểu phong tục, tập quán các nước/ Thu Hiền biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 252tr.; 21cm.

T.3.- 2017

306/LC.0014555 - LC.0014556

36. Vai trò của khoa học xã hội trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc: Sách tham khảo/ Bùi Đình Thanh. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 251tr.; 20cm.

300.9597/LC.0014422, LC.0014633;M 166725 - M 166726;MP 29673

37. Văn hóa nước và hàng hải thời cổ của Việt Nam: Nghiên cứu văn hóa/ Vũ Hữu San.- H.: Phụ nữ, 2017. - 626tr.; 23cm.

306.09597/M.0168990 - M.0168991;MP.0031282 - MP.0031283;V.0016263 - V.0016264

38. Vấn đề phụ nữ ở nước ta/ Đạm Phương Nữ Sĩ.- H.: Phụ nữ, 2018. - 678tr.; 23cm.

305.4209597/M.0168992 - M.0168993;MP.0031284 - MP.0031285;V.0016265 - V.0016266

320 – Khoa học chính trị

39. "Bình mới, rượu cũ" của chiến lược "diễn biến hoà bình" chống phá Việt Nam / Nguyễn Bá Dương. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 251tr.; 20cm.

320.4597/LC.0014488 - LC.0014489;M 166689 - M 166690 - M 166691

40. Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI / Nguyễn Xuân Cường. - H.: Khoa học xã hội, 2018. - 275tr.; 21cm.

320.951/.0079197 - .0079198;M.0169044 - M.0169045; MP.0031333 - MP.0031334

41. Công tác đảng, công tác chính trị trong bảo đảm hóa học tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh trên địa bàn biên giới phía bắc: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Biên chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014571 - LC.0014572

42. Đảng cộng sản Việt Nam cầm quyền - Lý luận và thực tiễn/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 282tr.; 20cm.

324.2597075/LC.0014504 - LC.0014505

43. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954): Sách chuyên khảo/ Nguyễn Hoàng Nhiên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 234tr.; 20cm.

324.259707509/LC.0014242 - LC.0014243, LC.0014402 - LC.0014403

44. Đánh giá, dự báo tác động của điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển mới của Trung Quốc đến Asean và gợi mở chính sách cho Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Huy Hoàng.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 335tr.; 21cm.

327.51059/.0079213 - .0079214;M.0169078 - M.0169079; MP.0031364

45. Điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và những tác động tới quan hệ Mỹ - Trung Quốc/ Cù Chí Lợi.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 394tr.; 21cm.

327.51073/.0079191 - .0079192;M.0169036 - M.0169037; MP.0031325 - MP.0031326

46. *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Bùi Đình Bôn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 227tr.; 20cm.

324.2597075/LC.0014433 - LC.0014434;M 167576 - M 167577;MP 30183

47. *Giáo trình công tác Đảng, công tác chính trị*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự cấp xã, trình độ đại học ngành quân sự cơ sở.- H.: Quân đội nhân dân. - 308tr.; 27cm.

324.2597075/LCV.0001779

48. *Góc nhìn cận cảnh: Thế giới và Biển Đông sau phán quyết của Tòa Trọng tài / Trần Nam Tiến*.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 254tr.; 21cm.

320.15/.0079205 - .0079206;M.0169064 - M.0169065; MP.0031350 - MP.0031351

49. *Lịch sử Đảng bộ binh chủng đặc công (1967-2017)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 635tr.: +phụ lục; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/.0079006 - .0079007;DT.0000101; LC. 0014579; MP.0030852 - MP.0030853

50. *Lịch sử Đảng bộ lữ đoàn công binh cầu đường 279 (1972 - 2017)/ Trần Quốc Minh chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 399tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014427

51. *Lịch sử Đảng bộ phường Bến Nghé 1930-2010*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 252tr.; 21cm.

324.25970750959779/.0078998 - .0078999;LC.0014588 - LC.0014589;M.0168496 - M.0168497;MP.0030845

52. *Lịch sử Đảng bộ phường Nguyễn Thái Bình (1930 - 2010)/ Lưu Lê Bích Phượng chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 239tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959779/LC.0014412

53. *Lịch sử đảng bộ quân sự tỉnh Long An (1945-2010)/ Hồ Sơn Đài chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 543tr.; 24cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LCV.0001815 - LCV.0001816

54. *Lịch sử đảng bộ Tập đoàn Viễn thông Quân đội (1990-2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 518tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/.0079018 - .0079019;DT.0000109;LC.0014530 - LC.0014531;MP. 0030874 - MP.0030875

55. Lịch sử Đảng bộ trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh (1965 - 2015)/ Trần Khắc Mênh chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 439tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014395

56. Lịch sử Đảng bộ xã Khánh Thiện (1947-2017). - Tái bản có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 328tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959739/LC.0014347, LC.0014519

57. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường 2 quận Tân Bình (1930 - 2015)/ Nguyễn Minh Ngọc chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 272tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959779/LC.0014410 - LC.0014411

58. Lịch sử truyền thống cách mạng của đảng bộ và nhân dân phường 1 Quận Tân Bình (1930 - 2015)/ Châu Văn Tình chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959779/LC.0014416 - LC.0014417;MP 29987 - MP

29988;TEMP.M_92176

59. Lịch sử ủy thác/ Nguyễn Mạnh Hưởng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 202tr.; 20cm.

324.2597075/LC.0014482 - LC.0014483;M 166575 - M 166576;MP 29492

60. Mastering bitcoin - Bitcoin thực hành: Những khái niệm cơ bản và cách sử dụng đúng đồng tiền mã hóa/ Andeas M. Antonopoulos.- H.: Đại học Kinh tế quốc dân, 2018. - 539tr.; 24cm.

322.420285/M.0169142 - M.0169143;MP.0031389 - MP.0031390

61. Mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Trần Đăng Bộ, Nguyễn Mạnh Hưởng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 211tr.; 20cm.

324.2597075/LC.0014478 - LC.0014479

62. Một số quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong Đảng bộ Bộ Tổng tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LCV.0001772

63. Một số vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ của Đảng: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Thanh Bình chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 534tr.; 21cm.

324.2597075/LC.0014400 - LC.0014401

64. *Nâng cao chất lượng tiến hành công tác Đảng, công tác chính trị của cán bộ chính trị cấp phân đội hiện nay/ Phạm Quốc Trung chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 230tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014534 - LC.0014535

65. *Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người đứng đầu theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 167tr.; 20cm.

324.2597075/.0079173 - .0079174;M.0168968 - M.0168969; MP.0031268 - MP.0031269

66. *Quy chế công tác kế hoạch - Tổng hợp về công tác đảng, công tác chính trị; quy định hệ thống văn kiện công tác đảng, công tác chính trị và quy định tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 74tr.; 20cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014454 - LC.0014455

67. *Sự minh định của địa lý:* Ghi chép/ Robert D. Kaplan; Ng. dịch: Đào Đình Bắc.- H.: Hội nhà văn, 2017. - 473tr.; 24cm.

320.12/M.0169136 - M.0169137;MP.0031385 - MP.0031386; V.0016307 - V.0016308

68. *Tác động của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam/ Bùi Đình Bôn.* - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 166tr.; 20cm.

320.4597/LC.0014469

69. *Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho Đảng viên mới.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 322tr.; 19cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014592 - LC.0014593

70. *Tình hữu nghị Việt - Trung.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 200tr.; 25cm.

327.597051/LCV 1754 - LCV 1755;LCV.0001798

71. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo của lực lượng vũ trang Quân khu 5 (1975 - 2015) / Lê Văn Ngôn biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 220tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014394;MP 28951 - MP 28952

72. *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam/ Vũ Dương Huân.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 371tr.; 20cm.

327.597/.0079167 - .0079168;M.0168962 - M.0168963; MP.0031262 - MP.0031263

73. Xây dựng con người chính trị Việt Nam trong thời kỳ đổi mới/ Nguyễn Văn Quang chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 189tr.; 20cm.

320.9597/.0079169 - .0079170;M.0168964 - M.0168965; MP.0031264 - MP.0031265

74. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh ở các doanh nghiệp quân đội giai đoạn hiện nay: Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 222tr.; 20cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014453

330 – Kinh tế học

75. Blockchain - Khởi nguồn cho một nền kinh tế mới/ Melanie Swan; Ng.dịch: LeVN; Hiệu đính: Lê Huy Hòa.- H.: Đại học Kinh tế quốc dân, 2018. - 235tr.; 24cm.

332.17802855745/M.0169138 - M.0169139;MP.0031387; V.0016309 - V.0016310

76. Israel đã kiến tạo tương lai như thế nào?/ Shlomo Shoham; Ng.dịch: Trần Thảo Lam.- H.: Thế giới, 2018. - 316tr.; 21cm.

338.927/M.0169068 - M.0169069;MP.0031354 - MP.0031355

77. Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay/ Trần Trung Tín. - Xuất bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 536tr.; 24cm.

338.473550330597/LCV.0001807 - LCV.0001808

78. Liên minh kinh tế Á - Âu: Quá trình hình thành và phát triển: Sách chuyên khảo/ Vũ Thụy Trang.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 323tr.; 21cm.

337.504/.0079189 - .0079190;M.0169034 - M.0169035; MP.0031324

79. Phát triển kinh tế nông thôn, sự tác động đến xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân ở nước ta hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Hữu Tập.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 214tr.; 20cm.

338.109597/LC.0014484 - LC.0014485

80. Quản lý hiệu quả tài sản công: Sách tham khảo/ Dag Detter, Stefan Folster; Dịch: Nhóm VEPR.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 335tr.; 24cm.

336/M.0169016 - M.0169017;MP.0031308 - MP. 0031309; V.0016267 - V.0016268

81. Đường cách mệnh - Giá trị lý luận và thực tiễn/ Chủ biên: Phạm Ngọc Anh, Nguyễn Minh Khoa.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 374tr.; 20cm.

335.4346/.0079165 - .0079166;M.0168960 - M.0168961;MP.0031260 - MP.0031261

82. Giáo trình phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: Dùng cho đào tạo giảng viên chuyên ngành tư tưởng Hồ Chí Minh, bậc đại học/ Chủ biên: Nguyễn Văn Thế, Lê Huy Bình. - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 123tr.; 27cm.

335.4346/LCV.0001787

83. *Hướng dẫn học và ôn tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh*: Dành cho học viên các trường chính trị tỉnh và sinh viên các trường đại học, cao đẳng nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh/ *Nguyễn Phước Dũng chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 267tr.; 20cm.

335.4346076/.0079179 - .0079180;M.0169020 - M. 0169021; MP.0031312 - MP.0031313

84. *Một số vấn đề về quân sự, quốc phòng trong quá trình hội nhập quốc tế*/ Vũ Văn Khanh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 247tr.; 20cm.

335.0330597/LC.0014456 - LC.0014457

85. *Nhận thức mới về dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*/ Nguyễn Anh Tuấn chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 223tr.; 20cm.

335.509597/.0079181 - .0079182;M.0169022 - M.0169023; MP.0031314 - MP.0031315

86. *Sức sống của Cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay*/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 268tr.; 21cm.

T.1 : Vấn đề hiện thực hóa lý tưởng Cộng sản Chủ nghĩa.- 2017

335.43/LC.0014601

87. *Sức sống của Cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay*/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 248tr.; 21cm.

T.2 : Vấn đề giải phóng giai cấp, dân tộc và con người.- 2017

335.43/LC.0014602

88. *Sức sống của Cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay*/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 232tr.; 21cm.

335.43/LC.0014599 - LC.0014600

89. *Sức sống của cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay*/ Chủ biên: Nguyễn Bá Dương, Đặng Văn Sánh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 231tr.; 21cm.

T.4 : Vấn đề Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.- 2017

335.43/LC.0014596;M 168176 - M 168177;MP 30560

90. *Sức sống của cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay*/ Chủ biên: Nguyễn Bá Dương, Bùi Quang Cường.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 267tr.; 21cm.

T.6 : Vấn đề xây dựng đảng cộng sản cầm quyền.- 2017

335.43/LC.0014597 - LC.0014598;M 168180 - M 168181;MP 30562

91. *Tính phổ biến và tính đặc thù của nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Vũ Thế Tùng.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 199tr.; 20cm.

335/.0079177 - .0079178;M.0169018 - M.0169019; MP.0031310 - MP.0031311

92. *Hướng dẫn học tập môn pháp luật đại cương*: Dùng cho đào tạo kỹ sư dân sự trình độ đại học.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 206tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

340.0711/M.0169152 - M.0169153;MP.0031399

93. *Luật tư pháp quốc tế hướng đến xây dựng một mô hình lập pháp ở Việt Nam / Ngô Quốc Chiến, Lý Vân Anh, Hoàng Ngọc Bích*.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. - 397tr.; 24cm.

340.9/M.0169140 - M.0169141;MP.0031388;V.0016311 - V.0016312

94. *Luật điều ước quốc tế = Law on treaties*: Song ngữ Việt - Anh = Vietnamese - English.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 157tr.; 19cm.

341.37/.0079175 - .0079176;M.0168970 -

M.0168971; MP.0031270 - MP.0031271

95. *Hướng dẫn chi tiết thi hành luật thi đua, khen thưởng và hoạt động bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mới nhất*. - H.: Hồng Đức, 2018. - 398tr.; 28cm.

342.597/M.0169090 - M.0169091;V.0016275 - V.0016276

96. *Luật tiếp công dân - Luật trưng cầu ý dân và các văn bản có liên quan/ Phan Trung*.- H.: Lao động, 2018. - 399tr.; 28cm.

342.5970026/M.0169116 - M.0169117;V.0016301 - V.0016302

97. *Luật tổ tụng hành chính (Hiện hành) và các văn bản hướng dẫn thi hành*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 375tr.; 20cm.

342.59706/.0079185 - .0079186;M.0169026 - M.0169027; MP.0031318 -

MP.0031319

98. *Các văn bản quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng và các chế độ chi tiêu khác*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 860tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Q.13.- 2017

343.59701/LCV.0001794 - LCV.0001795;V 15838 - V 15839

99. *Các văn bản quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng và các chế độ chi tiêu khác*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 860tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Q.14.- 2017

343.59701/LCV.0001790 - LCV.0001791;V 15840 - V 15841

100. Cẩm nang quản lý, sử dụng tài sản công: Tiêu chuẩn, định mức, chỉ tiêu mua sắm, khoán kinh phí sử dụng tài sản nhà nước trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp/ Tăng Bình, Ái Phương.- H.: Tài chính, 2018. - 415tr.; 27cm.

343.59702026/M.0169112 - M.0169113;V.0016297 - V.0016298

101. Chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp/ Tăng Bình, Ái Phương.- Tp. Hồ Chí Minh: Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 439tr.; 27cm.

343.597034026/M.0169108 - M.0169109;V.0016295 - V.0016296

102. Hướng dẫn nghiệp vụ và chính sách thuế năm 2018/ Quý Lâm.- H.: Tài chính, 2018. - 415tr.; 28cm.

343.59704026/M.0169094 - M.0169095;V.0016279 - V.0016280

103. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ và hệ thống biểu phí - lệ phí áp dụng trong các lĩnh vực dùng trong cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp/ Tăng Bình, Ái Phương.- H.: Tài chính, 2017. - 423tr.; 27cm.

343.597/M.0169114 - M.0169115;V.0016299 - V.0016300

104. Tiêu chuẩn chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 131tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

343.59701/LCV.0001777

105. Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Quân đoàn 1. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 360tr.; 27cm.

343.59701/LCV.0001776

106. Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Quân đoàn 2. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 360tr.; 27cm.

343.59701/LCV.0001775

107. Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Quân đoàn 3. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 380tr.; 27cm.

343.59701/LCV.0001774

108. Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Quân đoàn 4. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 364tr.; 27cm.

343.59701/LCV.0001773

109. Luật bảo vệ môi trường - Nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp, xử lý khác phục hậu quả/ Quý Lâm.- H.: Lao động, 2018. - 415tr.; 28cm.

344.597046026/M.0169088 - M.0169089;V.0016273 - V.0016274

110. Bình luận chuyên sâu phần chung Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành mới nhất (Áp dụng từ năm 2018)/ Nguyễn Ngọc Diệp.- H.: Thế giới, 2018. - 431tr.; 28cm.

345.597/M.0169100 - M.0169101;V.0016285 - V.0016286

111. Các thông tư hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính về đất đai - nhà ở từ năm 2014-2017 : (Bao gồm cấp giấy phép chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ...)/ *Quý Lâm, Ái Phương.*- H.: Hồng Đức, 2018. - 399tr.; 28cm.

346.5970432/M.0169102 - M.0169103;V.0016287 - V.0016288

112. Cẩm nang công tác đấu thầu - Quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn/ Thùy Linh.- H.: Lao động, 2018. - 527tr.; 28cm.

346.597023/M.0169098 - M.0169099;V.0016283 - V.0016284

113. Luật đất đai, Luật nhà ở và hồi - đáp pháp luật về đất đai, nhà ở/ Quý Lâm.- H.: Lao động, 2018. - 439tr.; 28cm.

346.59704/M.0169086 - M.0169087;V.0016271 - V.0016272

114. 230 biểu mẫu văn bản trong tổ tụng hình sự, tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính áp dụng tại tòa án từ năm 2017/ Nguyễn Ngọc Điệp.- H.: Thế giới, 2018. - 431tr.; 28cm.

347.597055/M.0169096 - M.0169097;V.0016281 - V.0016282

115. Luật thi hành án dân sự và hệ thống văn bản pháp luật về hoạt động tổ tụng dân sự, thi hành án dân sự/ Kim Phương.- H.: Lao động, 2018. - 423tr.; 28cm.

347.597077026/M.0169092 - M.0169093;V.0016277 - V.0016278

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

355 – Khoa học quân sự

116. Пособие военно-специального русского языка/ Nguyễn Thị Hoa chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 84tr.; 27cm.

355.0711/LCV.0001778

117. 70 năm ngành Chính sách Quân đội (26.02.1947 - 26.02.2017). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 95tr.; 30cm.

355.009597/LCV.0001760 - LCV.0001761;MP 29604 - MP 29605

118. Biên niên sự kiện ngành hậu cần Quân khu 5 (1975 - 2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 570tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.809597/LC.0014582

119. Bồi dưỡng năng lực giáo dục chính trị của học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch ở học viện chính trị hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Sáu.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 173tr.; 21cm.

355.00711597/LC.0014540 - LC.0014541

120. *Cải cách hành chính công ở một số nước Châu Á và bài học cho Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Phạm Quốc Thái*.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 258tr.; 20cm.

351.5/.0079217 - .0079218;M.0169084 - M.0169085;MP.0031369

121. *Chế độ đảm bảo chất lượng xăng dầu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 95tr.; 19cm.

Lưu hành nội bộ

355.8/LC 1927 - LC 1928;LC.0014603

122. *Chiến sĩ cần biết*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 223tr.; 12cm.

Lưu hành nội bộ

355.509597/LC.0014525 - LC.0014526

123. *Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị quân đội trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*: Sách chuyên khảo/ *Đặng Văn Sánh, Lê Quý Trịnh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 20cm.

355.3304109597/LC.0014492 - LC.0014493

124. *Công vụ và quản lý thực thi công vụ*: Sách chuyên khảo/ *Ngô Thành Can, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lưu Kiếm Thanh*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 304tr.; 20cm.

351.597/.0079183 - .0079184;M.0169024 - M.0169025; MP.0031316 - MP.0031317

125. *Cơ sở sửa chữa vũ khí*: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Văn Hùng chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 290tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

355.80288/LCV.0001768;V 15723

126. *Cơ sở xây dựng các tổ hợp tên lửa phòng không và xu hướng phát triển*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Nguyễn Hữu Sơn chủ biên, Phạm Trung Dũng, Nguyễn Ngọc Điển*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 327tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

358.1/MP.0031404;V.0016317 - V.0016318

127. *Cục chính trị Tổng cục kỹ thuật - Biên niên sự kiện (1974 - 2014)*/ *Trần Huy Soan chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 543tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079004 - .0079005;DT.0000100; LC.0014577; MP.0030850 - MP.0030851

128. *George S. Patton - Danh tướng thiết giáp Hoa Kỳ trong Thế chiến II*/ *Alan Axelrod*; Dịch: *Nguyễn Tư Thắng*.- H.: Hồng Đức, 2017. - 303tr.; 21cm.

355.0092/.0079229 - .0079230;M.0169266 - M.0169267 - M.0169268;MP.0031480 - MP.0031481

129. Giáo dục truyền thống ở đơn vị cơ sở trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay/ Chủ biên: Dương Quang Hiến, Trần Hậu Tân.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 148tr.; 21cm.

355.309597/.0079010 - .0079011;LC.0014553 - LC.0014554; M.0168498 - M.0168499;MP.0030856

130. Kho K882 - Biên niên sự kiện (1977 - 2017): Công trình chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống kho K882 (17.7.1977 - 17.7.2017).- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 403tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.7509597/LC.0014409

131. Kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đánh giá khí tài AJAS-40C, AJAS-500, AJAS-1000: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành tác chiến điện tử/ Nguyễn Huy Hoàng chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 228tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

355.8/LCV.0001789;V 15717

132. Kỹ yếu Hội truyền thống Trung đoàn Bộ binh 3 Đoàn Hoa Lư anh hùng tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 332tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014387 - LC.0014388

133. Lịch sử Đại đội 61 Bến Cát tỉnh Bình Dương (1961 - 1981). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 302tr.; 23cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LCV.0001806;MP 29608 - MP 29609

134. Lịch sử Đoàn văn công Quân khu 9 (1947 - 2017)/ Nguyễn Xuân Quyết chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 326tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014389 - LC.0014390;MP 29977 - MP 29978

135. Lịch sử lực lượng biệt động quân khu 5 trong 30 năm chiến tranh giải phóng/ Biên soạn: Nguyễn Công Trạng,...- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 238tr.; 20cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014460 - LC.0014461

136. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ba Vì (1945-2017). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 591tr.; 24cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/DT.0000105;LCV.0001809 - LCV.0001810; MP.0030866 - MP.0030867;V.0016103 - V.0016104

137. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Lộc Ninh (1945 - 2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014396 - LC.0014397;MP 29699 - MP 29700

138. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Quốc Oai (1945 - 2017)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 584tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0078992 - .0078993;DT.0000096; LC.0014578; MP.0030840 - MP.0030841

139. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Phú (1945-2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 444tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0078994 - .0078995;DT.0000097; LC. 0014580 - LC. 0014581; MP.0030842 - MP.0030843

140. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Đồng Xoài (1945-2015)*: Lưu hành nội bộ/*Hồ Hùng Phi chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 416tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079000 - .0079001; DT.0000098; LC.0014590 – LC.0014591;MP.0030846 - MP.0030847

141. *Lịch sử ngành Hậu cần Quân đoàn 2 (1974-2017)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 660tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

355.809597/.0078990 - .0078991;DT.0000095; LC.0014587;MP.0030838 - MP.0030839

142. *Lịch sử nhà máy A45 (1977 - 2017)/ Châu Minh Vững chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 375tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

ĐTTS ghi: Quân chủng Phòng không - Không quân

355.009597/LC.0014391 - LC.0014392;MP 29981 - MP 29982

143. *Lịch sử nhà máy X28 Cục kỹ thuật Hải quân (1967-2017) / Mạc Như Sĩ chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 231tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

359.009597/LC.0014351 - LC.0014352, LC.0014420

144. *Lịch sử Nhà máy Z113 (1957 - 2017)*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 391tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014398 - LC.0014399;MP 29701 - MP 29702

145. *Lịch sử Quân báo - Trinh sát Quân khu 7 (1945 - 2015)/ Hồ Sơn Đài chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 584tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.41309597/LC.0014413 - LC.0014414

146. *Lịch sử Sư đoàn Bộ binh 302 (1977-2017).*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 366tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

**356.109597/.0079064 - .0079065;DT.0000118;LC.0014585 - LC.0014586;
MP.0030908 - MP.0030909**

147. *Lịch sử Tiểu đoàn chỉ huy Pháo binh 75 (1972 - 2017)/ Đặng Bá Hùng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 168tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.82109597/LC.0014421

148. *Lịch sử Tổng công ty đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc phòng (1987 – 2017) / Nguyễn Ngọc Dũng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 202tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014407 - LC.0014408

149. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 271 (1947-2017).* - Tái bản, có chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 454tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

**356.109597/.0079066 - .0079067; DT.0000119; LC.0014583 -
LC.0014584;MP.0030910 - MP.0030911**

150. *Lịch sử trung đoàn không quân 925 (1967 - 2017)/ Dương Chí Hùng chủ biên, Quách Như Thành.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 330tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

358.4009597/LC.0014393

151. *Lịch sử Trung đoàn 677 (1977 - 2017).* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 159tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014425 - LC.0014426

152. *Lịch sử Trường Trung cấp Quân y 2 - 40 năm xây dựng và trưởng thành (1977 - 2017).* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 147tr.; 29cm.

355.00711597/LCV.0001792 - LCV.0001793;V 16015 - V 16016

153. *Lịch sử Viện Y học Hải quân (1967 - 2017).* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 303tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

359.34509597/LC.0014428

154. *Lữ đoàn vận tải 972 - Biên niên sự kiện (2007 - 2016)/ Biên soạn: Nguyễn Văn Thái, Đoàn Văn Thiêm, Lê Sỹ Đoàn.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 263tr.; 21cm.

358.2509597/LC.0014415

- 155. Một số trận đánh điển hình cấp tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh và bài học kinh nghiệm.**- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 248tr.; 21cm.
T.5 : Tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh tiến công, tập kích.- 2017
356.109597/LC.0014520
- 156. Một số vấn đề cơ bản về lực lượng vũ trang địa phương phòng tránh, đánh địch tiến công hỏa lực đường không trong khu vực phòng thủ tỉnh đồng bằng Bắc bộ:** Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học/ Nguyễn Văn Đông.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 180tr.; 21cm.
355.4/LC.0014551
- 157. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng căn cứ hậu phương tỉnh trong thế trận phòng thủ Quân khu 2:** Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học/ Nguyễn Phương Hòa.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 171tr.; 21cm.
Lưu hành nội bộ
355.47597/LC.0014552
- 158. Một số vấn đề về nâng cao năng lực tư duy lý luận của giảng viên trẻ trong các học viện, trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay:** Sách chuyên khảo/ Vũ Văn Ban.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 170tr.; 20cm.
355.00711597/LC.0014466 - LC.0014467
- 159. Một số vấn đề về sử dụng các loại vũ khí hiện có tiêu diệt xe tăng thế hệ mới của địch trong Chiến tranh bảo vệ tổ quốc:** Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học/ Đỗ Viết Toàn.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 154tr.; 21cm.
Lưu hành nội bộ
355.009597/LC.0014418 - LC.0014419
- 160. Nâng cao bản lĩnh chính trị của bộ đội phòng không - không quân trong điều kiện tác chiến mới/ Hà Văn Hào chủ biên.**- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 91tr.; 21cm.
355.411/LC.0014550
- 161. Nâng cao chất lượng đội ngũ chính trị viên trong các trường kỹ thuật Quân đội:** Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Nguyễn Trọng Tuấn, Đặng Trường Minh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 122tr.; 21cm.
Lưu hành nội bộ
355.00711597/.0079054 - .0079055;LC.0014569 - LC.0014570;M.0168534 - M.0168535;MP.0030901
- 162. Nâng cao chất lượng giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội trong nhà trường quân đội hiện nay:** Sách chuyên khảo/ Nguyễn Huy Động biên soạn.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 174tr.; 21cm.
355.00711597/LC.0014547 - LC.0014548

163. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch trong quân đội: Sách tham khảo/ Chủ biên: Nguyễn Thanh Bình, Vũ Văn Tám.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 166tr.; 21cm.

355.00711597/LC.0014549

164. Nền quốc phòng toàn dân - Nhân tố cốt lõi tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc. / Đỗ Bá Ty.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 287tr.; 20cm.

355.0330597/LC.0014431 - LC.0014432;M 167553 - M 167554 - M 167555;TEMP.MP_92418

165. Phát huy vai trò của chính trị viên đồn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Trần Đức Uẩn, Trần Mạnh Hà.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 21cm.

355.009597/.0079058 - .0079059;LC.0014536 - LC.0014537;M.0168538 - M.0168539;MP.0030903

166. Phát triển năng lực trí tuệ của sĩ quan trẻ trong quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Lê Quý Trịnh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 203tr.; 20cm.

355.33209597/LC.0014405 - LC.0014406

167. Phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong các trường sĩ quan quân đội / Lê Văn Làm chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 159tr.; 20cm.

355.2209597/LC.0014502 - LC.0014503;M 166513 - M 166514;MP 29482

168. Phó Chủ tịch Quốc hội, Trung tướng Đặng Quân Thụy - Cuộc đời và sự nghiệp: Theo lời kể của đồng chí Đặng Quân Thụy/ Lê Hải Triều.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 359tr.; 27cm.

355.0092/LCV.0001800

169. Quân đội nhân dân Việt Nam trung với Đảng hiếu với dân / Ngô Xuân Lịch.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 440tr.; 24cm.

355.009597/LCV.0001813 - LCV.0001814;M.0168492 - M.0168493;MP.0030837;V.0016091 - V.0016092

170. Sư đoàn 304 - Biên biên sự kiện (1950-2016)/ Chủ biên: Nguyễn Như Huyền, Phạm Văn May.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 495tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/LC.0014529

171. Tác chiến điện tử và các hệ thống thông tin: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành Điện - Điện tử/ Phạm Khắc Hoan chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

355.4/LCV.0001781;V 15944

- 172. *Tài liệu huấn luyện vượt vật cản.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 59tr.; 19cm.
 Lưu hành nội bộ
355.5/.0079292 - .0079293;LC.0014563 - LC.0014564; MP.0031604 - MP.0031605
- 173. *Trang bị điển hình pháo tự động trên tàu hải quân:*** Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành vũ khí, pháo tàu/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 203tr.; 29cm.
 Lưu hành nội bộ
359.98/MP.0031405;V.0016319 - V.0016320
- 174. *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 208tr.; 21cm.
 T.1 : Từ thế kỷ thứ III trước công nguyên đến trước năm 938.- 2017
355.0095970902/LC.0014623 - LC.0014624
- 175. *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 223tr.; 21cm.
 T.2 : Từ năm 938 đến năm 1225.- 2017
355.0095970901/LC.0014625 - LC.0014626;M 168184 - M 168185;MP 30554
- 176. *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 228tr.; 21cm.
 T.3 : Từ năm 1225 đến năm 1400.- 2017
355.0095970902/LC.0014617 - LC.0014618
- 177. *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 220tr.; 21cm.
 T.4 : Từ năm 1400 đến năm 1802.- 2017
355.0095970902/LC.0014621 - LC.0014622
- 178. *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 239tr.; 21cm.
 T.5 : Từ năm 1802 đến năm 1930.- 2017
355.0095970904/LC.0014619 - LC.0014620
- 179. *Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 276tr.; 21cm.
 T.1 : Một số vấn đề cơ bản về tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam và định hướng phát triển trong thời kỳ mới.- 2017
355.009597/LC.0014607 - LC.0014608
- 180. *Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.***- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 240tr.; 21cm.
 T.2 : Từ buổi đầu dựng nước đến năm 938.- 2017
355.0095970901/LC.0014609 - LC.0014610

181. Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 268tr.; 21cm.

T.3 : Từ năm 938 đến năm 1505.- 2017

355.0095970902/LC.0014611 - LC.0014612

182. Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 280tr.; 21cm.

T.4 : Từ năm 1505 đến năm 1930.- 2017

355.0095970903/LC.0014613 - LC.0014614

183. Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 298tr.; 21cm.

T.5 : Từ năm 1930 đến năm 1975.- 2017

355.0095970903/LC.0014615 - LC.0014616;M 168196 - M 168197;MP 30566

184. Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 254tr.; 21cm.

T.6 : Từ năm 1975 đến năm 2016.- 2017

355.0095970904/LC.0014604 - LC.0014605 - LC.0014606

185. Vai trò của quân đội nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động dịch vụ môi trường trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Đặng Văn Sánh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 183tr.; 20cm.

355.0330597/LC.0014490 - LC.0014491

186. Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 170tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.00711597/.0079034 - .0079035;LC.0014573 - LC.0014574;M.0168516 -

M.0168517;MP.0030889

187. Xây dựng "thế trận lòng dân" trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Bá Dương.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 216tr.; 20cm.

355.0330597/LC.0014474 - LC.0014475

360 – Vấn đề và dịch vụ xã hội; hiệp hội

188. Cẩm nang phòng chống ngộ độc thực phẩm/ Nguyễn Văn Đức, Nông Thúy Ngọc.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 199tr.; 20cm.

363.1927/LC.0014470 - LC.0014471;M 167383 - M 167384 - M 167385;MP 29877 - MP 29878

189. Đặc trưng sinh thái nhân văn và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng núi đông bắc Việt Nam/ Nguyễn Song Tùng.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 243tr.; 21cm.

363.70095971/.0079203 - .0079204;M.0169056 - M.0169057;MP.0031345

190. *Hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh và gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 69tr.; 28cm.

363.3498809597/LCV.0001762

191. *Tội phạm học.* : Giáo trình dùng cho đào tạo sĩ quan biên phòng cấp phân đội trình độ đại học/ *Trần Hữu Cầm chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 132tr.; 27cm

Lưu hành nội bộ

364.3/LCV.0001786;V 15467

370 – Giáo dục

192. *Các nhà khoa bảng Nam Định:* Thời phong kiến/ *Trần Mỹ Giống sưu tầm, biên soạn.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 183tr.; 21cm.

370.922/LC.0014494 - LC.0014495;M 166740 - M 166741;MP 29668

193. *Giáo dục phổ thông miền Nam (1954-1975).* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 379tr.; 23cm.

370.95977/M.0169210 - M.0169211 - M.0169212; MP.0031439 - MP.0031440;V.0016337 - V.0016338

194. *Hộ chiếu xanh - Hành trang của những công dân toàn cầu.* - H.: Thanh niên, 2018. - 275tr.; 23cm.

370.116/M.0169150 - M.0169151;MP.0031397 - MP.0031398

390 – Phong tục, nghi lễ và văn hóa dân gian

195. *Bốn mùa trà rượu nước hương / Viên Trân.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 301tr.; 21cm.

394.15/M.0169284 - M.0169285 - M.0169286; MP.0031492 - MP.0031493

196. *Hồn sử Việt - Những giai thoại và truyền thuyết nổi tiếng.* - Thanh Hóa, 2016. - 615tr.; 21cm.

398.209597/.0079235 - .0079236;M.0169275 - M.0169276 - M.0169277;MP.0031486 - MP.0031487

197. *Sống đời của chợ:* Biên khảo/ *Nguyễn Mạnh Tiến.*- H.: Hội nhà văn, 2017. - 491tr.; 20cm.

390.09597/M.0169082 - M.0169083;MP.0031367 - MP.0031368

198. *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ: Chống thiêng nơi cõi thực/ Trần Quang Dũng.*- H.: Thế giới, 2018. - 151tr.; 25cm.

398.4109597/M.0169134 - M.0169135;MP.0031383 - MP.0031384

400 - NGÔN NGỮ

199. Sổ tay viết đúng hỏi - ngã/ Huỳnh Thị Điệp.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 217tr.; 18cm.

495.9223/.0079225 - .0079226;M.0169258 - M.0169259; MP.0031474 - MP.0031475

500 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

510 – Toán học

200. Định lý cuối cùng của Fermat - Một mật mã huyền bí và định mệnh: Với lời dẫn nhập của Nguyễn Xuân Xanh/ *Lê Quang Ánh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 205tr.; 21cm.

512.7/M.0169240 - M.0169241 - M.0169242; MP.0031459 - MP.0031460 - MP.0031461

530 – Vật lý học

201. Bài tập cơ học lý thuyết: Dùng cho đào tạo kỹ sư trình độ đại học/ *Đỗ Văn Thom chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 298tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

T.2 : Động lực học.- 2017

530.10711/LCV.0001770;M 167868 - M 167869 - M 167870

202. Chuyển pha trong kim loại và hợp kim: Giáo trình dùng cho cao học ngành kỹ thuật vật liệu/ *Chu Thiên Trường*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 151tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

530.474/LCV.0001785;V 15719

203. Giáo trình cơ học lý thuyết và ứng dụng tin học trong cơ học: Dùng cho đào tạo đại học và luyện thi Olympic/ *Trần Thế Văn chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 415tr.; 27cm.

530.0711/LCV.0001763 - LCV.0001764;V 15812 - V 15813

204. Giáo trình kết cấu, tính toán động cơ đốt trong/ Lương Đình Thi chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 193tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Ph.1 : Động học và động lực học.- 2017

531.11/LCV.0001766;V 15726

205. Giáo trình mô hình hóa và mô phỏng các hệ động lực: Dùng cho đào tạo cao học ngành kỹ thuật Cơ điện tử/ *Chủ biên: Tăng Quốc Nam, Phạm Đình Tùng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 228tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

531.10711/LCV.0001782;M 167871

206. Phương pháp thực nghiệm cơ học: Tài liệu dùng cho đào tạo sau đại học/ *Lê Trường Sơn chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 242tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

530.0711/LCV.0001767;M 167833 - M 167834 - M 167835

207. Thí nghiệm vật lý đại cương: Dùng cho hệ đào tạo tín chỉ đại học, cao đẳng quân sự/ *Phạm Văn Thìn chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 198tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Q.1 : Cơ - Điện từ - Dao động và sóng.- 2018

530.0711/M.0169166 - M.0169167

208. Thí nghiệm vật lý đại cương: Dùng cho hệ đào tạo tín chỉ đại học, cao đẳng quân sự/ *Phạm Văn Thìn chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 193tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

Q.2 : Nhiệt - Quang - Vật lý hiện đại.- 2018

530.0711/M.0169168 - M.0169169;MP.0031412

570 – Sinh vật học

209. Sinh học đại cương: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Trần Văn Khoa.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 261tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

570.0711/LCV.0001765;V 15715 - V 15716

600 – CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

210. Giáo trình bệnh hô hấp: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Đỗ Quyết, Nguyễn Huy Lực.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 305tr.; 27cm.

616.200711/M.0169174 - M.0169175;MP.0031414 - MP.0031415

211. Hướng dẫn phòng chống lao và đồng nhiễm Lao/HIV trong quân đội. - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 119tr.; 23cm.

616.995/LCV.0001804 - LCV.0001805

212. Giáo trình bóng: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Nguyễn Ngọc Tuấn chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 747tr.; 27cm.

617.110711/M.0169162 - M.0169163;MP.0031410 - MP.0031411

620 – Kỹ thuật và hoạt động liên thuộc

213. Giáo trình bài tập lớn sức bền vật liệu. : Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 236tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

620.11250711/LCV.0001780

214. *Giáo trình máy ép cơ khí*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành công nghệ gia công áp lực và công nghệ chế tạo đạn/ *Đinh Văn Phong chủ biên, Nguyễn Trường An.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 127tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

621.912/LCV.0001797

215. *Giáo trình máy ép thủy lực*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành công nghệ gia công áp lực và công nghệ chế tạo đạn/ *Đinh Bá Trự chủ biên, Nguyễn Trường An.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 177tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

621.912/LCV.0001796;V 15939

216. *Giáo trình tiếng Việt chuyên ngành công trình*: Dùng cho đào tạo kỹ sư người nước ngoài chuyên ngành công trình/ *Nguyễn Thị Hoài Thu, Phan Thị Thùy An.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 108tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

624.0711/M.0169170 - M.0169171;MP.0031413

217. *Giáo trình tính toán thiết kế bộ phóng tên lửa*: Dùng cho cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Thái Dũng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 238tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

623.45190711/MP.0031406 - MP.0031407;V.0016321 - V.0016322

218. *Hướng dẫn thí nghiệm kỹ thuật ăng-ten và truyền sóng sử dụng bộ ED-3200*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành điện - điện tử/ *Nguyễn Quốc Định chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 195tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

621.3824/M.0169172 - M.0169173

219. *Hướng dẫn thí nghiệm thực hành đo lường điện*: Dùng cho đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự/ *Mai Quốc Khánh chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 163tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

621.312870711/M.0169164 - M.0169165

220. *Kỹ thuật điện công trình*: Dùng cho đào tạo kỹ sư trình độ đại học/ *Vũ Viết Thông chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 279tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

621.381/LCV.0001769;M 167879 - M 167880 - M 167881

221. *Ứng dụng phần mềm Dmav2D trong xây dựng văn kiện tác chiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 71tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

623.71/LC.0014516 - LC.0014517;MP 30502 - MP 30503

222. Ứng dụng phần mềm Dmav3D trong xây dựng sa bàn ảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 75tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

623.71/LC.0014514 - LC.0014515

223. Phân tích và tổng hợp các hệ thống điều khiển tự động các đối tượng có tham số phân bố: Dùng cho đào tạo sau đại học ngành kỹ thuật điều khiển và tự động hóa/ *Nguyễn Phú Đăng, Nguyễn Trường Sơn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 220tr.; 29cm.

629.8312/M.0169154 - M.0169155;MP.0031400

224. Sử dụng máy thu GPS trong đo đạc địa hình. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 55tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

623.71/LC.0014512 - LC.0014513;MP 30504 - MP 30505

225. Tính toán tầm di hướng: Dùng cho đào tạo sau đại học các ngành Kỹ thuật cơ khí, vũ khí, hàng không vũ trụ, công trình, cơ điện tử/ *Đoàn Trắc Luật chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 169tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

620.11/LCV.0001771;V 15727

226. Trang bị điện trên máy công cụ: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự trình độ đại học/ *Phùng Mạnh Hùng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 228tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

621.3/M.0169158 - M.0169159;MP.0031403

640 – Quản lý nhà và gia đình

227. Cách lựa chọn rau củ quả cho bữa ăn gia đình/ Nguyễn Văn Đức, Ngô Quang Thái. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 199tr.; 20cm.

641.35/LC.0014500 - LC.0014501;M 166755 - M 166756 - M 166757;MP 29516 - MP 29517

228. Đây đất nước con, kia Tổ quốc mẹ/ Kiều Bích Hương. - H.: Phụ nữ, 2018. - 271tr.; 23cm.

649/M.0168994 - M.0168995;MP.0031286 - MP.0031287

229. Những mẹo vặt cần biết trong cuộc sống/ Phạm Thị Nhung. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 279tr.; 20cm.

640/LC.0014480 - LC.0014481;M 166563 - M 166564;MP 29340 - MP 29341

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

230. Đi bán đăm mê - Những câu chuyện khởi nghiệp/ Đỗ Quang Tuấn Hoàng.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 333tr.; 23cm.

658.11/M.0169213 - M.0169214 - M.0169215; MP.0031441 - MP.0031442

231. Kiến tạo thể hệ Việt Nam ưu việt: Tiếng Anh và 6 chìa khóa vàng tự tin mở cửa thế giới/ *John Vu.-* Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 189tr.; 21cm.

650.1/.0079231 - .0079232;M.0169269 - M.0169270 - M.0169271;MP.0031482 - MP.0031483

660 – Kỹ thuật hóa học và công nghệ có liên quan

232. Đường ống dã chiến. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 320tr.; 19cm.

Lưu hành nội bộ

665.544/LC.0014594 - LC.0014595

233. Giáo trình thí nghiệm thuốc phóng và nhiên liệu tên lửa : Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành thuốc phóng thuốc nổ/ *Đoàn Minh Khai chủ biên.-* H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 200tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

662.666/LCV.0001784;V 15942 - V 15943

690 –Xây dựng tòa nhà

234. Giáo trình thi công đất và công trình thoát nước sân bay: Dùng cho đào tạo chuyên ngành xây dựng Sân bay/ *Chủ biên:Nguyễn Duy Đồng, Võ Tiến Dũng.-* H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 233tr.; 29cm.

Lưu hành nội bộ

690.539/LCV.0001783;V 15945 - V 15946

700 - NGHỆ THUẬT

235. Âm vang khúc quân hành quân giới - Công nghiệp quốc phòng. - H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 145tr.; 23cm.

Lưu hành nội bộ

781.3/LCV.0001799;V 16012

236. Giáo trình cơ sở và thiết kết kiến trúc công trình ngầm quân sự: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành Xây dựng công trình quốc phòng/ *Cao Chu Quang chủ biên.-* H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 151tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

725.180711/V.0016323 - V.0016324

237. Bão lửa U23: Thường Châu tuyết trắng.- H.: Thể dục - Thể thao, 2018. - 272tr.; 21cm.

796.33409597/M.0169050 - M.0169051;MP.0031339 - MP.0031340

800 - VĂN HỌC VÀ TU TỪ HỌC

238. *Con chim xanh hạnh phúc*/ Georgette Leblanc; Dịch: Nguyễn Thành Nhân.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 206tr.; 21cm.

843/M.0169252 - M.0169253 - M.0169254;MP.0031470 - MP.0031471

239. *Vàng trên biển đá đen*/ Elena Pucillo Truong; Dịch: Trương Văn Dân.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 265tr.; 21cm.

853.92/M.0169243 - M.0169244 - M.0169245;MP.0031462 - MP.0031463 - MP.0031464

240. *Song hành và đối thoại*/ Hoàng Đăng Khoa.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 221tr.; 24cm.

809.89597/M.0169176 - M.0169177 - M.0169178;MP.0031416 - MP.0031417 - MP.0031418

241. *Sức mạnh của cái đúng* / Nguyễn Trần Bạt.- H.: Hội nhà văn, 2018. - 439tr.; 24cm.

808.8026/M.0169124 - M.0169125;MP.0031379 - MP.0031380

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

242. *Anh đã trở về*: Tập truyện ngắn/ Kim Young-Ha; Ng.dịch: Trần Hải Dương.- H.: Phụ nữ, 2018. - 218tr.; 20cm.

895.735/M.0168998 - M.0168999;MP.0031290 - MP.0031291

243. *Bãi vàng và những chuyện tình nho nhỏ*: Tập truyện ngắn/ Ma Văn Kháng.- H.: Phụ nữ, 2018. - 250tr.; 21cm.

895.92234/M.0169002 - M.0169003;MP.0031294 - MP.0031295

244. *Bên kia cầu chữ Y*/ Huỳnh Ngọc Nga.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 268tr.; 22cm.

895.92234/M.0169222 - M.0169223 - M.0169224; MP.0031447 - MP.0031448

245. *Bống dựng thành khổng lồ*: Truyện giả tưởng/ Tam Vũ.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 111tr.; 21cm.

895.92234/M.0169249 - M.0169250 - M.0169251; MP.0031467 - MP.0031468 - MP.0031469

246. *Chín bỏ làm mười*: Tiểu thuyết/ Trần Chiến.- H.: Phụ nữ, 2018. - 239tr.; 21cm.

895.92234/M.0168996 - M.0168997;MP.0031288 - MP.0031289

247. *Chuyện nhà tôi: Mẹ già còn trên Phây?* / Nguyễn Thị Ngọc Hải.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 307tr.; 21cm.

895.9228408/M.0169246 - M.0169247 - M.0169248; MP.0031465 - MP.0031466

- 248. *Chuyện tình Phja Bjooc*:** Tiểu thuyết/ *Bùi Thị Như Lan*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 251tr.; 21cm.
895.92234/LC.0014498 - LC.0014499;M 166752 - M 166753 - M 166754;MP 29513 - MP 29514
- 249. *Cột mốc trong người*:** Thơ/ *Nguyễn Quang Hưng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 112tr.; 19cm.
895.92214/DT.0000104;LC.0014561 - LC.0014562; M.0168502 - M.0168503;MP.0030859 - MP.0030860
- 250. *Dáng hồn đô thị*:** Tùy bút/ *Lưu Trọng Hải*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 233tr.; 21cm.
895.9228403/M.0169237 - M.0169238 - M.0169239; MP.0031457 - MP.0031458
- 251. *Dòng sông muôn đời*:** Tiểu thuyết/ *Trịnh Xuân Túc*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 280tr.; 21cm.
895.92234/LC.0014496 - LC.0014497;M 167415 - M 167416;MP 30033 - MP 30034
- 252. *Dưới bầu trời ngày hạ*:** Xuân Huy, Kỳ Muông.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 159tr.; 18cm.
895.9228408/M.0169260 - M.0169261 - M.0169262; MP.0031476 - MP.0031477
- 253. *Đàn bà 30*:** Tản văn/ *Trang Hạ*. - In lần thứ 7.- H.: Phụ nữ, 2018. - 239tr.; 18cm.
895.9228408/M.0169014 - M.0169015;MP.0031306 - MP.0031307
- 254. *Đất khát*:** Tiểu thuyết/ *Trác Diễm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 19cm.
895.92234/LC.0014565 - LC.0014566;M 167540 - M 167541 - M 167542;TEMP.MP_92437
- 255. *Đỗ Thích kỳ án*:** Tiểu thuyết lịch sử/ *Phan Khánh*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 310tr.; 21cm.
895.922334/M.0169225 - M.0169226 - M.0169227; MP.0031449 - MP.0031450
- 256. *Động thổ*:** Tiểu thuyết/ *Lê Ngọc Minh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 287tr.; 20cm. Q.1.- 2017
895.92234/LC.0014438;M 167505 - M 167506 - M 167507;TEMP.MP_92412
- 257. *Động thổ*:** Tiểu thuyết/ *Lê Ngọc Minh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 258tr.; 20cm. Q.2.- 2017
895.92234/LC.0014437;M 167508 - M 167509 - M 167510;TEMP.MP_92408
- 258. *Đời bão*:** Tiểu thuyết/ *Đoàn Ngọc Minh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 220tr.; 20cm.
895.92234/LC.0014458 - LC.0014459;M 167371 - M 167372 - M 167373;MP 29991 - MP 29992

- 259. *Đừng kể tên tôi* / Phan Thúy Hà.** - In lần thứ 2.- H.: Phụ nữ, 2018. - 348tr.; 20cm.
895.92234/M.0169006 - M.0169007;MP.0031298 - MP.0031299
- 260. *Đường biên cương dệt mùa xuân*:** Bút ký/ *Phạm Vân Anh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 259tr.; 20cm.
895.9228403/LC.0014445 - LC.0014446;M 167597 - M 167598 - M 167599;MP 30177 - MP 30178
- 261. *Gió xanh*:** Tiểu thuyết/ *Chu Lai*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 300tr.; 21cm.
895.92234/LC.0014542
- 262. *Hai ngã của văn chương*:** Phê bình văn học/ *Nguyễn Chí Hoan*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 20cm.
895.92209/LC.0014435 - LC.0014436;M 167567 - M 167568 - M 167569;MP 30192 - MP 30193
- 263. *Hoàng hôn đỏ rực*:** Truyện ngắn/ *Baek Shin Ae*; Ng.dịch: *Bang Jeong Yun, Nguyễn Thị Thúy Vân*.- H.: Phụ nữ, 2018. - 75tr.; 20cm.
895.734/M.0169010 - M.0169011;MP.0031302 - MP.0031303
- 264. *Hương xã Nam Trung*:** Tuyển tập văn - thơ Hồ Khải Đại/ *Hồ Khải Hoàn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 267tr.; 20cm.
895.922134/LC.0014449 - LC.0014450
- 265. *Khi cuộc chiến đi qua*:** Tiểu thuyết/ *Vũ Minh Nguyệt*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 204tr.; 19cm.
895.92234/DT.0000103;LC.0014559 - LC.0014560; M.0168500 - M.0168501;MP.0030857 - MP.0030858
- 266. *Ký ức khoai deo*:** Bút Ký/ *Mai Nam Thắng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 251tr.; 19cm.
895.9228403/LC.0014300 - LC.0014301, LC.0014523 - LC.0014524
- 267. *Ký ức một thời*:** Tập thơ/ *Nguyễn Quang Liễn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 120tr.; 19cm.
895.92214/LC.0014543 - LC.0014544
- 268. *Ký ức từ Cao nguyên*:** Kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội năm 2016.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 20cm.
895.9228403/LC.0014443 - LC.0014444;M 167551 - M 167552;TEMP.MP_92421
- 269. *Làng cò*:** Tiểu thuyết/ *Nguyễn Đạo Vinh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 355tr.; 20cm.
895.92234/LC.0014476 - LC.0014477;M 167573 - M 167574 - M 167575;MP 30187 - MP 30188

- 270. *Mây họa ánh trăng*:** Tiểu thuyết/ *Yoon Isu.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 378tr.; 23cm.
T.1.- 2018
895.735/M.0168980 - M.0168981;MP.0031272 - MP.0031273
- 271. *Mây họa ánh trăng*:** Tiểu thuyết/ *Yoon Isu.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 378tr.; 23cm.
T.2.- 2018
895.735/M.0168982 - M.0168983;MP.0031274 - MP.0031275
- 272. *Mây họa ánh trăng*:** Tiểu thuyết/ *Yoon Isu; Ng.dịch: Hàn Hình Văn.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 419tr.; 23cm.
T.3.- 2018
895.735/M.0168984 - M.0168985;MP.0031276 - MP.0031277
- 273. *Mây họa ánh trăng*:** Tiểu thuyết/ *Yoon Isu; Ng.dịch: Hàn Hình Văn.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 423tr.; 23cm.
T.4.- 2018
895.735/M.0168986 - M.0168987;MP.0031278 - MP.0031279
- 274. *Mây họa ánh trăng*:** Tiểu thuyết/ *Yoon Isu; Ng.dịch: Nguyễn Thị Thu Hương.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 337tr.; 23cm.
T.5.- 2018
895.735/M.0168988 - M.0168989;MP.0031280 - MP.0031281
- 275. *Mẹ tôi - Câu chuyện về người mẹ trong những gia đình trí thức nổi tiếng thế kỷ XX.*** - H.: Phụ nữ, 2018. - 432tr.; 20cm.
895.92234/M.0169000 - M.0169001;MP.0031292 - MP.0031293
- 276. *Nắng triền sông*:** Tùy bút/ *Lê Hà Ngân.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 191tr.; 19cm.
895.9228403/LC.0014521 - LC.0014522;M 168096 - M 168097;MP 30546 - MP 30547
- 277. *Ngày hôm qua mắt biếc* / *Kai Hoàng.*- H.: Phụ nữ, 2018. - 134tr.; 20cm.
895.92234/M.0169012 - M.0169013;MP.0031304 - MP.0031305**
- 278. *Ngày qua bóng ngày* / *Lê Minh Quốc.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 410tr.; 24cm.
895.9228403/M.0169207 - M.0169208 - M.0169209; MP.0031437 - MP.0031438**
- 279. *Ngôi sao hộ mệnh*:** Tiểu thuyết tự truyện/ *Nguyễn Tân Phát.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 399tr.; 21cm.
895.92234/M.0169228 - M.0169229 - M.0169230; MP.0031451 - MP.0031452
- 280. *Người hát gọi mặt trời*:** Tập truyện ngắn/ *Vũ Thanh Lịch.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 365tr.; 21cm.

895.92234/M.0169231 - M.0169232 - M.0169233; MP.0031453 - MP.0031454

281. *Nhà văn già và em mọi nhỏ*: Tập truyện/ *Nguyễn Thành Nhà*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 262tr.; 22cm.

895.92234/M.0169219 - M.0169220 - M.0169221; MP.0031445 - MP.0031446

282. *Nhà văn giải thưởng Hồ Chí Minh (1996 - 2016)*/ *Đỗ Ngọc Yên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 195tr.; 20cm.

Q.2.- 2017

895.92209/LC.0014472 - LC.0014473; M 167331 - M 167332; MP 29888

283. *Nhân Thế*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Trọng Văn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 215tr.; 20cm.

895.92234/LC.0014506 - LC.0014507; M 166727 - M 166728 - M 166729; MP 29550 - MP 29551

284. *Nhật ký Đông Sơn*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Quang Hà*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 282tr.; 20cm.

895.92234/LC.0014447 - LC.0014448; M 167564 - M 167565 - M 167566; MP 30194 - MP 30195

285. *Những mối tình câm*: Tập truyện ngắn/ *Phong Điệp*.- H.: Phụ nữ, 2018. - 175tr.; 21cm.

895.92234/M.0169004 - M.0169005; MP.0031296 - MP.0031297

286. *Những người con của Bến*/ *Mã Thiện Đồng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 285tr.; 21cm.

895.9228403/LC.0014545 - LC.0014546

287. *Sài Gòn trong Sài Gòn*: Tản văn/ *Nguyễn Duy Quyền*.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 171tr.; 20cm.

895.92284/M.0169060 - M.0169061; MP.0031346 - MP.0031347

288. *Thiên nhạc*/ *Trường An*.- H.: Phụ nữ, 2018. - 213tr.; 20cm.

895.92234/M.0169008 - M.0169009; MP.0031300 - MP.0031301

289. *Thời dâu bể*: Tập thơ/ *Quang Chuyền*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 123tr.; 21cm.

895.92214/LC.0014567 - LC.0014568

290. *Văn chương Sài Gòn 1881 - 1924*: Văn xuôi/ *Trần Nhật Vy*.- H.: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 311tr.; 23cm.

T.1 : Văn xuôi.- 2017

895.922/M.0169132 - M.0169133; MP.0031381 - MP.0031382

900 – LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ HỌC VÀ CÁC NGÀNH PHỤ TRỢ

910 – Địa lý và du hành

291. *Bốn mùa chân bước, nghìn dặm nước Anh/ Hoài Sa.*- H.: Thanh niên, 2018. - 267tr.; 21cm.

914.204/M.0169048 - M.0169049;MP.0031337 - MP.0031338

292. *Đá nhọn vực sâu:* Viết sau trải nghiệm Sơn Đòng/ *Nguyễn Văn Anh.*- H.: Thế giới, 2018. - 87tr.; 20cm.

915.9745/M.0169032 - M.0169033;MP.0031322 - MP.0031323

920 – Tiểu sử , phả hệ học, biểu hiệu

293. *Sài Gòn đất lành chim đậu/ Phan Hoàng.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 337tr.; 19cm.

T.2.- 2018

920.0597/.0079223 - .0079224;M.0169255 - M.0169256 - M.0169257;MP.0031472 - MP.0031473

940 – Lịch sử châu Âu

294. *Sức sống của Cách mạng tháng Mười - Giá trị thời đại .*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 734tr.; 22cm.

947.0841/LC.0014527 - LC.0014528

950 – Lịch sử châu Á

295. *Afghanistan ngày nay/ Ngô Xuân Bình, Lê Thị Hằng Nga.*- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 395tr.; 21cm.

958.1/.0079195 - .0079196;M.0169042 - M.0169043; MP.0031331 - MP.0031332

296. *Bán đảo Ả Rập - Thảm kịch hồi giáo và dầu lửa/ Nguyễn Hiến Lê.*- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 362tr.; 21cm.

953.57/.0079233 - .0079234;M.0169272 - M.0169273 - M.0169274;MP.0031484 - MP.0031485

297. *Biến cố kinh đô Huế và phong trào Cần Vương (1885 -1896)/ Đỗ Bang.*- H.: Tri thức, 2017. - 371tr.; 21cm.

959.703/.0079207 - .0079208;M.0169066 - M.0169067; MP.0031352 - MP.0031353

298. *Chiến lược của Mỹ qua các đời Tổng thống và nguyên nhân thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam/ Bùi Đình Bôn.* - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 99tr.; 20cm.

959.7043373/LC.0014468

- 299. Chiến tranh trên không ở Việt Nam (1965 - 1973) - Phía sau những trận không chiến/ Nguyễn Đức Soát, Nguyễn Sỹ Hưng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 579tr.; 21cm.
959.7043/LC.0014385 - LC.0014386;M 168077 - M 168078;MP 30231**
- 300. Chống xâm lăng: Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898/ Trần Văn Giàu.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 906tr.: +phụ lục; 24cm.
959.7029/M.0169199 - M.0169200;MP.0031431 - MP.0031432;V.0016331 - V.0016332**
- 301. Chuyện địa danh và chữ nghĩa Nam Bộ/ Huỳnh Công Tín.- Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2017. - 355tr.; 21cm.
959.77/M.0169062 - M.0169063;MP.0031348 - MP.0031349**
- 302. Con đường kết thúc chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975): Sách chuyên khảo/ Hồ Khang.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 319tr.; 21cm.
959.7043/LC.0014404;M 166221 - M 166222;MP 29131**
- 303. Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 ở khu trọng điểm (Sài Gòn - Gia Định)/ Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 279tr.; 21cm.
959.7043/.0079219 - .0079220;M.0169216 - M.0169217 - M.0169218;MP.0031443 - MP.0031444**
- 304. Danh tướng Hoàng Đình Ái (1527-1607): Sách tham khảo/ Hoàng Hải. - Tái bản lần 1 có bổ sung, hiệu đính.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 222tr.; 21cm.
959.703092/.0079044 - .0079045;LC.0014557 - LC.0014558;M.0168526 - M.0168527;MP.0030894**
- 305. Dinh Độc Lập - Lịch sử và biến động/ Hồ Sơn Đài chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 338tr.; 24cm.
959.7/M.0168956 - M.0168957;V.0016253 - V.0016254**
- 306. Đô thị Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh: Khảo cổ học và bảo tồn di sản/ Nguyễn Thị Hậu.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 250tr.; 24cm.
959.775/M.0169194 - M.0169195;V.0016327 - V.0016328**
- 307. Đường 20 quyết thắng/ Nguyễn Tư Dương.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 119tr.; 20cm.
959.7043/LC.0014508 - LC.0014509;M 166723 - M 166724;MP 29662**
- 308. Đường về đất mẹ: Hồi ức/ Võ Sở. - In lần thứ 3.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 247tr.; 20cm.
959.704/LC.0014464 - LC.0014465**
- 309. Gạch ngói và vật liệu trang trí trên mái thời Lý - Trần - Hồ/ Đặng Hồng Sơn. - Tái bản lần 1.- H.: Thế giới, 2018. - 581tr.; 24cm.**

959.702/M.0169144 - M.0169145;MP.0031391 - MP.0031392

310. *Gần lắm Trường Sa*: Kỷ yếu Đoàn công tác Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam thăm, kiểm tra Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1 năm 2017.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 183tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

959.756/LCV.0001801

311. *Hỏi - đáp về di sản thế giới và di sản thế giới tại Việt Nam/ Thanh Huyền biên soạn*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 123tr.; 20cm.

959.7/.0079187 - .0079188;M.0169028 - M.0169029; MP.0031320 - MP.0031321

312. *Hỏi đáp về 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám/ Lê Thái Dũng*.- H.: Hồng Đức, 2017. - 246tr.; 21cm. - (Việt Nam đất nước - Con người)

959.7/M.0169058 - M.0169059

313. *Hội ước chiến trường Trị Thiên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 456tr.; 21cm.

959.7043/LC.0014575 - LC.0014576

314. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử/ Bùi Chí Hoàng*.- H.: Khoa học xã hội, 2018. - 939tr.; 27cm.

T.2.- 2018

959.77/M.0169104 - M.0169105;MP.0031370;V.0016289 - V.0016290

315. *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử/ Bùi Chí Hoàng*.- H.: Khoa học xã hội, 2017. - 582tr.; 27cm.

T.1.- 2017

959.75/M.0169106 - M.0169107;MP.0031371;V.0016291 - V.0016292

316. *Kỷ ước chiến tranh*: Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Quân tăng cường Thủ đô (1-8-1967 - 1-8-2017)/ Nguyễn Xuân Giá chủ biên. - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 354tr.; 21cm.

T.4.- 2017

959.7043/LC.0014423 - LC.0014424, LC.0014664 - LC.0014665

317. *Kỷ ước chiến tranh của chiến sĩ Hà Nội trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước/ Phạm Quang Hiệp*. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 266tr.; 20cm.

T.2.- 2017

959.704/LC.0014486 - LC.0014487;M 166736 - M 166737;MP 29512

318. *Kỷ ước về những trận chiến đấu của Đặc công Rừng Sác anh hùng/ Vũ Đình Bạch*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 140tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

959.704/LC 14127 - LC 14128;LC.0014518

319. Lê Triệu - Cuộc đời là chiến trận/ Ngô Nhật Dương.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 336tr.; 21cm.

959.704/LC.0014538 - LC.0014539

320. Lê triều bí sử - Những ẩn số kì lạ. - Thanh Hóa, 2015. - 383tr.; 21cm.

959.7026/.0079227 - .0079228;M.0169263 - M.0169264 - M.0169265;MP.0031478 - MP.0031479

321. Lịch sử Hội truyền bá Quốc ngữ (1938 - 1945): Sách chuyên khảo/ Lê Văn Phong.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 226tr.; 20cm.

959.703/.0079163 - .0079164;M.0168958 - M.0168959;MP.0031258 - MP.0031259

322. Lịch sử văn minh Ấn Độ/ Will Durant; Dịch: Nguyễn Hiến Lê.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016. - 453tr.; 19cm.

954/.0079239 - .0079240;M.0169281 - M.0169282 - M.0169283;MP.0031490 - MP.0031491

323. Lịch sử văn minh Trung Hoa: Will Durant; Dịch: Nguyễn Hiến Lê.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 358tr.; 19cm.

951/.0079237 - .0079238;M.0169278 - M.0169279 - M.0169280;MP.0031488 - MP.0031489

324. Mặt trận đường 9 - Bắc Quảng Trị, chống phá chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1966-1968): Sách chuyên khảo/ Trần Tiến Hoạt.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 230tr.; 20cm.

959.7043/LC.0014462 - LC.0014463;M 167381 - M 167382;MP 29883

325. Một số trận đánh điển hình của quân và dân tỉnh Hòa Bình trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975).- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 487tr.; 23cm.

Lưu hành nội bộ

959.704/LC.0014320 - LC.0014321;LCV.0001802 - LCV.0001803

326. Một thời ở Cục Chính trị quân giải phóng miền Nam (B2): Tư liệu tham khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 587tr.; 21cm.

959.704/LC.0014532 - LC.0014533

327. Nguyễn Chí Thanh - Đại tướng nông dân/ Bùi Chí Trung, Nguyễn Chí Đức.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 188tr.; 30cm.

959.704092/LCV.0001758 - LCV.0001759;M 166928 - M 166929;MP 29606 - MP 29607

328. Nguyễn Chí Thanh - Những góc nhìn từ hậu thế/ Bùi Chí Trung chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 287tr.; 22cm.

959.704092/LC.0014510 - LC.0014511

- 329. Nguyễn Chí Thanh - Sáng trong như ngọc một con người/ Trần Công Tấn.** - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 267tr.; 20cm.
T.1.- 2017
959.704092/LC.0014441 - LC.0014442;M 167547 - M 167548;TEMP.MP_92427
- 330. Nguyễn Chí Thanh - Sáng trong như ngọc một con người/ Trần Công Tấn.** - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 247tr.; 20cm.
T.2.- 2017
959.704092/LC.0014439 - LC.0014440
- 331. Những cuộc đàm phán lịch sử trong thời đại Hồ Chí Minh/ Lê Trung Kiên, Bùi Văn Tuấn.**- Đồng Nai, 2011. - 431tr.; 27cm.
959.7043/V.0016293 - V.0016294
- 332. Những mảnh sử rời: Nghiên cứu - Tiểu luận/ Phạm Hoàng Quân.**- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 371tr.; 24cm.
959.7/M.0169196 - M.0169197 - M.0169198; MP.0031429 - MP.0031430;V.0016329 - V.0016330
- 333. Quân dân Nam Kỳ kháng Pháp trên mặt trận quân sự và văn chương (1859 – 1885)/ Nguyễn Duy Oanh.**- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 321tr.; 24cm.
959.703/M.0169201 - M.0169202 - M.0169203; MP.0031433 - MP.0031434;V.0016333 - V.0016334
- 334. Tết !/ Don Oberdorfer; Dịch: Hà Nguyễn.**- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 230tr.; 21cm.
959.704342/.0079221 - .0079222;M.0169234 - M.0169235 - M.0169236;MP.0031455 - MP.0031456
- 335. Theo dòng triều Nguyễn/ Tôn Thất Thọ.**- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 324tr.; 24cm.
959.7029/M.0169204 - M.0169205 - M.0169206; MP.0031435 - MP.0031436;V.0016335 - V.0016336
- 336. Thư gửi từ Miền Điện/ Aung San Suu Kyi, Ng.dịch: Định Nghệ, Hoài An.**- H.: Tri thức, 2018. - 244tr.; 21cm.
959.105/.0079199 - .0079200;M.0169052 - M.0169053; MP.0031341 - MP.0031342
- 337. Vua Duy Tân và cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916.** - H.: Tri thức, 2017. - 350tr.; 21cm.
959.703092/.0079215 - .0079216;M.0169080 - M.0169081; MP.0031365 - MP.0031366
- 338. Vùng đất Nam Bộ/ Trương Thị Kim Chuyên chủ biên.**- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 347tr.; 24cm.

T.1 : Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái.- 2017

959.7/M.0168955;V.0016251 - V.0016252

339. *Vùng đất Nam Bộ/ Võ Văn Sen**Chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 446tr.; 24cm.

T.10 : Tiến trình hội nhập khu vực và thế giới.- 2017

959.7/M.0168946;V.0016233 - V.0016234

340. *Vùng đất Nam Bộ/ Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 295tr.; 24cm.

T.2 : Từ cội nguồn đến thế kỷ VII.- 2017

959.701/M.0168954;V.0016249 - V.0016250

341. *Vùng đất Nam Bộ/ Nguyễn Văn Kim**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 594tr.; 24cm.

T.3 : Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI.- 2017

959.702/M.0168953;V.0016247 - V.0016248

342. *Vùng đất Nam Bộ/ Nguyễn Quang Ngọc**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 430tr.; 24cm.

T.4 : Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX.- 2017

959.702/M.0168952;V.0016245 - V.0016246

343. *Vùng đất Nam Bộ/ Chủ biên: Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 554tr.; 24cm.

T.5 : Từ năm 1859 đến năm 1945.- 2017

959.703/M.0168951;V.0016243 - V.0016244

344. *Vùng đất Nam Bộ/ Trần Đức Cường**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 387tr.; 24cm.

T.6 : Từ năm 1945 đến năm 2010.- 2017

959.704/M.0168950;V.0016241 - V.0016242

345. *Vùng đất Nam Bộ/ Ngô Văn Lệ**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 551tr.; 24cm.

T.7 : Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa.- 2017

959.7/M.0168949;V.0016239 - V.0016240

346. *Vùng đất Nam Bộ/ Vũ Văn Quân**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 591tr.; 24cm.

T.8 : Thiết chế quản lý xã hội.- 2017

959.7/M.0168948;V.0016237 - V.0016238

347. *Vùng đất Nam Bộ/ Võ Công Nguyên**chủ biên.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 366tr.; 24cm.

T.9 : Tộc người và quan hệ tộc người.- 2017

959.7/M.0168947;V.0016235 - V.0016236

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017; 21cm.

Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam thực sự là tài sản tinh thần vô cùng quý giá, là di sản truyền thống quý báu và nổi bật của dân tộc Việt Nam, đòi hỏi phải được kế thừa, bổ sung, hoàn thiện, phát triển trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Bộ sách “**Tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam**” gồm 6 tập, do Thiếu tướng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân Nguyễn Bá Dương - Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Quân sự Bộ Quốc phòng làm Tổng Chủ biên thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết, đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới. Mỗi tập đề cập đến một giai đoạn cụ thể, riêng T.1 khái quát chung về tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam và định hướng phát triển trong thời kỳ mới. Cụ thể như sau:

T.1 : Một số vấn đề cơ bản về tư tưởng nhân văn quân sự Việt Nam và định hướng phát triển trong thời kỳ mới

355.009597/LC.0014607 - LC.0014608

T.2 : Từ buổi đầu dựng nước đến năm 938

355.0095970901/LC.0014609 - LC.0014610

T.3 : Từ năm 938 đến năm 1505

355.0095970902/LC.0014611 - LC.0014612

T.4 : Từ năm 1505 đến năm 1930

355.0095970903/LC.0014613 - LC.0014614

T.5 : Từ năm 1930 đến năm 1975

355.0095970904/LC.0014620

T.6 : Từ năm 1975 đến năm 2016

355.0095970904/LC.0014606

Trong đó, mỗi tập có 3 chương, đề cập đến cách tiếp cận, cơ sở hình thành, bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của tư tưởng nhân văn quân sự của mỗi thời kỳ lịch sử.

2. Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017; 21cm.

Bộ sách gồm 5 tập giới thiệu tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ thế kỷ thứ 3 trước công nguyên đến năm 1930. Mỗi tập đề cập đến bối cảnh lịch sử tác động đến sự hình thành, phát triển tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biểu của từng giai đoạn lịch sử, qua đó, làm nổi bật đặc điểm tư tưởng nhân văn quân sự chủ đạo của giai đoạn đó, đồng thời khái quát thân thế, sự nghiệp cuộc đời và những nét đặc sắc giá trị tư tưởng nhân văn của các danh nhân tiêu biểu đó. Cụ thể:

T.1: Từ thế kỷ thứ III trước công nguyên đến trước năm 938

355.0095970902/LC.0014623 - LC.0014624

T.2: Từ năm 938 đến năm 1225

355.0095970901/LC.0014625

T.3: Từ năm 1225 đến năm 1400

355.0095970902/LC.0014617 - LC.0014618

T.4: Từ năm 1400 đến năm 1802

355.0095970902/LC.0014621 - LC.0014622

T.5: Từ năm 1802 đến năm 1930

355.0095970902/LC.0014615

3. Sức sống của Cách mạng tháng Mười Nga trong thời đại ngày nay/ Nguyễn Bá Dương chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017; 21cm.

Bộ sách gồm 6 tập:

T.1: Vấn đề hiện thực hóa lý tưởng Cộng sản Chủ nghĩa

335.43/LC.0014601

Sách khẳng định, làm sáng tỏ bản chất, giá trị, ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với quá trình hiện thực hóa lý tưởng cộng sản, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh bác bỏ các quan điểm phản động.

Sách gồm 3 chương: Chương 1 - Lý tưởng cộng sản chủ nghĩa soi sáng Cách mạng Tháng Mười Nga; Chương 2 - Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu quá trình hiện thực hóa lý tưởng cộng sản; Chương 3 - Giá trị hiện thực hóa lý tưởng cộng sản chủ nghĩa của Cách mạng Tháng Mười Nga trong thời hiện đại.

T.2: Vấn đề giải phóng giai cấp, dân tộc và con người

335.43/LC.0014602

Sách làm rõ quá trình hiện thực hóa lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga về giải phóng giai cấp, dân tộc và con người; những thành tựu trong sự nghiệp giải phóng giai cấp, dân tộc và con người trên thế giới và Việt Nam.

Sách gồm 3 chương: Chương I - Những vấn đề cơ bản về giải phóng giai cấp, dân tộc và con người từ thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga; Chương II - Thực tiễn giải phóng giai cấp, dân tộc và con người từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga; Chương III - Sự tác động của thế giới đương đại và định hướng vận dụng giá trị Cách mạng Tháng Mười Nga đối với giải quyết vấn đề giai cấp, dân tộc, con người hiện nay.

T.3: Vấn đề xây dựng chế độ kinh tế mới ở Liên Xô và Việt Nam

3K/78814

Sách viết về giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga trong vấn đề xây dựng chế độ kinh tế mới, đồng thời bổ sung tài liệu giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam.

Sách gồm 3 chương: Chương I - Cách mạng Tháng Mười với sự ra đời của chế độ kinh tế mới ở nước Nga Xô viết (1917-1922) và nội dung xây dựng chế độ kinh tế mới ở Liên Xô (1922-1991); Chương II: Xây dựng chế độ kinh tế mới ở Liên Xô - Thành quả và bài học kinh nghiệm; Chương III: Xây dựng chế độ kinh tế mới ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.

T.4: Vấn đề bảo vệ Tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa

355.43/LC.0014596

Sách phân tích lý luận và thực tiễn, làm sáng tỏ những giá trị về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của Cách mạng Tháng Mười Nga; cách thức vận dụng sáng tạo giá trị đó trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới của thế giới và mỗi nước.

Sách gồm 3 chương: Chương I - Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga; Chương II - Thực tiễn bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên thế

giới từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay và bài học kinh nghiệm; Chương III - Ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười Nga trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

T.5: Vấn đề xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa

335.43/LC.0014599 - LC.0014600

Sách nghiên cứu giá trị, ý nghĩa lịch sử của nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời từ lý tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga; tổng kết bài học kinh nghiệm đối với tình hình thực tiễn cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam hiện nay. Sách gồm 3 chương: Chương I - Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa từ thực tiễn Cách mạng Tháng Mười Nga; Chương II - Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới theo lý tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga và bài học kinh nghiệm; Chương III - Nhân tố tác động và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

T.6: Vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền

335.43/LC.0014597

Sách viết về giá trị lịch sử, ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại với xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền trong lịch sử nói chung và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền hiện nay.

Sách gồm 3 chương: Chương I - Giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga với vấn đề xây dựng Đảng cầm quyền; Chương II - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng Đảng Cộng sản Liên Xô cầm quyền (1917-1991); Chương III - Vận dụng giá trị cách mạng Tháng Mười Nga về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay./.